

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**
Số: 88/2019/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quỳnh Lưu, ngày 16 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên họp:
Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 76/2019/TLST-DS, ngày 04 ngày 7 tháng 2019; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 105/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019.

- ***Người yêu cầu:*** Ngân hàng TMCP ABC(Vietinbank).

Địa chỉ: Số 108, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh P, sinh năm 1974; Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V.

Địa chỉ: Số 231, đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976 – Có mặt.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1984 – Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952 – Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

4. Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1954 – Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngân hàng TMCP ABC(Vietinbank) – chi nhánh thành phố V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V theo hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016 với số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày

04/6/2019 là 7.031.677.885 đồng (Bảy tỷ không trăm ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 6.700.150.000 đồng (Sáu tỷ bảy trăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi suất trong hạn là 325.075.825 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng), lãi suất phạt quá hạn là 6.452.060 đồng (sáu triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm sáu mươi đồng). Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày tiếp theo 05/6/2019.

Trường hợp anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP ABC thông qua Ngân hàng TMCP ABC- chi nhánh thành phố V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, đấu giá các tài sản đã thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên pH thi hành án vẫn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC- Chi nhánh thành phố V với anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H.

Tại phiên họp, Ngân hàng TMCP ABC- Chi nhánh thành phố V yêu cầu anh L, chị H pH trả nợ tính đến ngày mở phiên họp là 16/8/2019 cụ thể như sau: Tiền gốc là 6.650.150.000 đồng; tiền lãi là 418.603.758 đồng; tiền lãi phạt là 9.441.852 đồng. Tổng nợ là 7.078.195.611 đồng (bảy tỷ không trăm bảy mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm mười một đồng).

Tại phiên họp anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H nhất trí trả tiền gốc và lãi suất cho ngân hàng tính đến ngày 15/8/2019 tổng số tiền là 7.078.195.611 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016 và các giấy nhận nợ số 01, 02, 03, 04 (kèm theo hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016) đã giao kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP ABC- Chi nhánh thành phố V với bên vay là anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H. Theo đó, anh L, chị H vay của TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố V số tiền 7.347.000.000 đồng; mục đích vay để đóng mới tàu cá vỏ gỗ công suất 822 CV nghề lưới vây theo nghị định 07/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014; thời hạn cho vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn là 7%/năm; lãi suất phạt nợ gốc quá hạn là 50% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi là 50% lãi suất cho vay trong hạn; thanh toán lãi vào ngày 25 hàng tháng. Thanh toán nợ gốc: Trong vòng 10 ngày làm việc sau ngày cuối cùng của thời hạn giải ngân/ân hạn. Bên cho vay sẽ lập lịch trả gốc xác định số dư nợ gốc pH thanh toán từng kỳ và thông báo cho bên vay về lịch trả nợ đó. Trường hợp có khoản nợ được giải ngân sau khi lập lịch trả nợ thì bên cho vay có quyền điều chỉnh lịch trả nợ cho phù hợp và thông báo cho bên vay. Bên vay được quyền trả nợ gốc một phần hoặc toàn bộ khoản nợ trước hạn với điều kiện pH thanh toán các khoản phí theo quy định của bên cho vay.

Đề đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay trên thì anh L, chị H, ông C, bà Ch đã thế chấp những tài sản sau:

- Tài sản 1: Tàu cá, số đăng ký: NA-90899-TS; Model: Tàu cá vỏ gỗ công suất 822 CV nghề lưới vây; Kích thước: + $L_{max} \times B_{max} \times D = 24,2m \times 6,8m \times 3,0m$; + $L_{tk} \times B_{tk} \times d = 19.95 \times 6.95m \times 1.72m$; Lắp máy: 01 MITSUBISHI-NHẬT; Công suất: 605KW-823 CV; Model: S6R-MPTK. Năm đóng: 2016; Nơi đóng: Nghệ An theo Hợp đồng thế chấp tàu cá hình thành trong tương lai số 01/2016-HĐTC/NHCT442 ngày 08/12/2016 và Hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/2017-HĐTC/NHCT442 ngày 08/3/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V với anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 104m², thửa đất số 82, tờ bản đồ 6, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An mang tên anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-2016/HĐTC ngày 08/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V với anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất diện tích 72m², thửa đất số 1313, tờ bản đồ 6 tại thôn P, xã Q, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An mang tên anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02-2016/HĐTC ngày 08/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V với anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H.

- Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất diện tích 149m², thửa đất số 854, tờ bản đồ 7 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Ch theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 03-2016/HĐTC ngày 08/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Ch.

Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V đã giải ngân cho anh L, chị H vay tổng số tiền 7.347.000.000 đồng.

Đến ngày 09/4/2019 anh L, chị H trả cho ngân hàng 571.850.000 đồng tiền gốc; ngày 27/5/2019 đã trả 50.000.000 đồng và ngày 24/4/2019 đã trả 25.000.000 đồng. Trong thời gian vay anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H thường xuyên không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với anh L, chị H cũng như chính quyền địa phương yêu cầu trả hết phần nợ quá hạn và tiếp tục duy trì số nợ còn lại và trả dần theo lịch trả nợ tại hợp đồng tín dụng nhưng anh L vẫn không thực hiện đầy đủ.

Nay, Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành với nội dung: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 15/8/2019 tổng nợ là 7.078.195.611 đồng (bảy tỷ không trăm bảy mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm mười một đồng; Trong đó: tiền gốc là 6.650.150.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 418.603.758 đồng; tiền lãi phạt là 9.441.852 đồng. Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H pH trả lãi, lãi phạt, các loại phí phát sinh từ ngày 16/8/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V theo HĐTD số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016.

Trường hợp anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP ABC thông qua Ngân hàng TMCP ABC- Chi nhánh thành phố V có quyền yêu

cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản hòa giải thành lập vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 19/6/2019 do bà Lê Thị Thủy là hòa giải viên của Trung tâm hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thì anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H nhất trí trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh thành phố Vtính đến ngày 04/6/2019 là 7.031.677.885 đồng (Bảy tỷ không trăm ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm tám trăm tám đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 6.700.150.000 đồng; nợ lãi là 325.075.825 đồng; lãi phạt quá hạn là 6.452.060 đồng. Trường hợp anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Ch cũng nhất trí trường hợp anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H không trả hoặc trả không đầy đủ thì xử lý tài sản mà ông bà đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại phiên họp, Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố Vyêu cầu anh L, chị H pH trả nợ tính đến ngày 15/8/2019 tổng nợ là 7.078.195.611 đồng (Bảy tỷ không trăm bảy mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm mười một đồng; trong đó: Tiền gốc là 6.650.150.000 đồng; tiền lãi là 418.603.758 đồng; tiền lãi phạt là 9.441.852 đồng).

Tại phiên họp anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H nhất trí trả tiền gốc và lãi suất cho ngân hàng tính đến ngày 15/8/2019 tổng số tiền là 7.078.195.611 đồng. Trường hợp vợ chồng không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên đấu giá các tài sản thế chấp theo quy định.

[2] Nội dung mà các bên thỏa thuận ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 19/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ 3.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu quan điểm:

Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 416, 417 và Điều 419 BLTTDS; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để chấp nhận yêu cầu của đương sự: Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án cụ thể như sau: Anh Nguyễn Văn L, chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố V số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016 tính đến ngày 15/8/2019 là 7.078.195.611 đồng (Bảy tỷ không trăm bảy mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm mười một đồng); Trong đó, tiền gốc là 6.650.150.000 đồng; tiền lãi là 418.603.758 đồng; tiền lãi phạt là 9.441.852 đồng.

Lệ phí Tòa án: Áp dụng Điều 149 BLTTDS 2015, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc người yêu cầu pH chịu lệ phí theo quy định.

Do đó, có căn cứ để công nhận sự thỏa thuận giữa TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh, anh Nguyễn Văn L, chị Lê Thị H, ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Ch.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 27, Điều 149, Điều 417, Điều 419 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 76/2019/TLST-DS ngày 04 ngày 7 tháng 2019, cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn L, chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố Vsố tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016 tính đến hết ngày 15/8/2019 tổng số tiền là 7.078.195.611 đồng (Bảy tỷ không trăm bảy mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm mười một đồng); trong đó, tiền gốc: 6.650.150.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 418.603.758 đồng; tiền lãi phạt: 9.441.852 đồng.

Tiền lãi suất tính từ ngày tiếp theo là 16/8/2019 theo hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016 giữa ngân hàng với anh L, chị H.

Trường hợp anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP ABC thông qua Ngân hàng TMCP ABC- chi nhánh thành phố V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, đấu giá tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản 1: Tàu cá, số đăng ký: NA-90899-TS; Model: Tàu cá võ gỗ công suất 822 CV nghề lưới vây; Kích thước: + Lmax x Bmax x D = 24,2m x 6,8m x 3,0m; + Ltk x Btk x d = 19.95 x 6.95m x 1.72m; Lắp máy: 01 MITSUBISHI-NHẬT; Công suất: 605KW-823 CV; Model: S6R-MPTK. Năm đóng: 2016; Nơi đóng: Nghệ An theo Hợp đồng thế chấp tàu cá hình thành trong tương lai số 01/2016-HĐTC/NHCT442 ngày 08/12/2016 và Hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/2017-HĐTC?NHCT442 ngày 08/3/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V với anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 104m², thửa đất số 82, tờ bản đồ 6, tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An mang tên anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01-2016/HĐTC ngày 08/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V với anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất diện tích 72m², thửa đất số 1313, tờ bản đồ 6 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An mang tên anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02-2016/HĐTC ngày 08/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V với anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị H.

- Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất diện tích 149m², thửa đất số 854, tờ bản đồ 7 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Ch theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 03-2016/HĐTC ngày 08/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố V với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Ch.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên pH thi hành án vẫn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442 ngày 15/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố Vvớì ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị H.

Điều 2: Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ngân hàng TMCP ABC– Chi nhánh thành phố VpH chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0004136 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Điều 4: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- CCTHADS h.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ an.
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 32-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.

(3) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(4) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(5) và (15) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự.

(6) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(7) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản ủy quyền ngày.... tháng.... năm.....”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, địa chỉ là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(8) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(9) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tóm tắt nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(13) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận đơn yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(14) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan (nếu có) để ra quyết định.

(16) Ghi nội dung thỏa thuận của các đương sự tại Biên bản hòa giải thành ngoài Tòa án.